**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**LỚP 11 – ĐỊNH HƯỚNG ICT. THỜI GIAN: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | | | | Tổng | | | **Tỷ lệ % điểm** |
| **Trắc nghiệm khách quan** | | | | | | | | | **Tự luận** | | |
| *Nhiều lựa chọn* | | | *Đúng - Sai* | | | *Trả lời ngắn* | | |
| **B** | **H** | **VD** | **B** | **H** | **VD** | **B** | **H** | **VD** | **B** | **H** | **VD** | **B** | **H** | **VD** |  |
| **1** | **CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC**  **THẾ GIỚI THIẾT BỊ SỐ - HỆ ĐIỀU HÀNH vÀ phần mềm ứng dụng** | A.1. Bên trong máy tính | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| A.2. Khám phá thế giới thiết bị số thông minh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| A.3. Khái quát về hệ điều hành |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |  |  |  |
| A.4. Thực hành với các thiết bị số |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| A.5. Phần mềm ứng dụng và dịch vụ phần mềm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **CHỦ ĐỀ C. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM và trao đổi thông tin** | C.1. Lưu trữ trực tuyến | 1 |  | 1 | 2 | 1 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | C.2. Thực hành một số tính năng hữu ích của máy tìm kiếm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | C.3. Thực hành một số tính năng nâng cao của mạng xã hội |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | C.4. Thực hành một số tính năng hữu ích của dịch vụ thư điện tử |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | CHỦ ĐỀ D: ĐẠO ĐỰC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HOÁ TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ ... | Phòng tránh lừa đảo và ứng xử văn hoá trên mạng | 1 |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | CHỦ ĐỀ F. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH GIỚI THIỆU CÁC HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU | F.1. Bài toán quản lí và cơ sở dữ liệu |  |  |  | 3 | 3 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | F2. Bảng và khóa chính trong cơ sở dữ liệu quan hệ | 1 | 1 | 1 |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  |
|  | F3. Quan hệ giữa các bảng và khóa ngoài trong CSDL quan hệ | 1 |  |  |  |  |  |  |
|  | F4. Các biểu mẫu cho xem và cập nhật dữ liệu | 1 |  |  |  |  |  |  |
|  | F5. Truy vấn trong CSDL quan hệ | 1 |  |  |  |  |  |  |
|  | F6. Truy vấn trong CSDL quan hệ (tiếp theo) | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | F7. Các loại kiến trúc của hệ cơ sở dữ liệu | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | F8. Bảo vệ sự an toàn của hệ CSDL và bảo mật thông tin trong CSDL |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số câu** | | | **9** | **1** | **2** | **7** | **5** | **4** |  |  |  |  | **1** | **2** |  |  |  |  |
| **Tổng số điểm** | | | **3,0** | | | **4,0** | | |  | | | **3,0** | | | **3,0** | **4,0** | **3,0** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | | **40%** | | |  | | | **30%** | | | **30%** | **40%** | **30%** | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN: Tin học - Lớp 11 (năm học 2025 - 2026)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số lệnh hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | |
| **Phần I (TNNLC)** | | | **Phần II (TN Đ- S)** | | | **Phần III (TLN)** | | | **Tự luận** | | |
| **B** | **H** | **VD** | **B** | **H** | **VD** | **B** | **H** | **VD** | **B** | **H** | **VD** |
|  | **CHỦ ĐỀ A. ...** | A.1. Bên trong máy tính | - Nhận biết được sơ đồ của các mạch logic AND, OR, NOT;  - Hiểu và giải thích được vai trò của các mạch logic trong thực hiện các tính toán nhị phân.  - Nêu được tên, nhận diện được hình dạng, mô tả được chức năng và giải thích được đơn vị đo hiệu năng của các bộ phận chính bên trong máy tính. | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | A.2. Khám phá thế giới thiết bị số thông minh | - Đọc hiểu được một số điểm chính trong tài liệu hướng dẫn về thiết bị số thông dụng và thực hiện được một số chỉ dẫn trong tài liệu đó.  - Đọc hiểu và giải thích được một vài thông số cơ bản của các thiết bị số thông dụng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | A.3. Khái quát về hệ điều hành | - Trình bày được một cách khái quát mối quan hệ giữa phần cứng, hệ điều hành và phần mềm ứng dụng.  - Nêu được sơ lược lịch sử phát triển, vai trò và chức năng cơ bản của hai hệ điều hành thông dụng.  Trình bày được sơ lược về một số hệ điều hành tiêu biểu.  - Sử dụng được một số tiện ích có sẵn của hệ điều hành để nâng cao hiệu suất sử dụng MT. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | A.4. Thực hành với các thiết bị số | - Đọc hiểu được một số điểm chính trong tài liệu hướng dẫn về thiết bị số thông dụng và thực hiện được một số chỉ dẫn trong tài liệu đó.  - Đọc hiểu và giải thích được một vài thông số cơ bản của các thiết bị số thông dụng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | A.5. Phần mềm ứng dụng và dịch vụ phần mềm | - Biết vấn đề bản quyền trong sử dụng phần mềm nguồn mở.  - Biết cách khai thác các mặt mạnh của phần mềm trực tuyến, sử dụng các phần mềm này trong học tập và công việc.  - Hiểu được vai trò của phần mềm nguồn mở và phần mềm thương mại đối với sự phát triển của ICT.  Nêu được tên một số phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình chiếu và phần mềm bảng tính nguồn mở trong bộ OpenOffice. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **CHỦ ĐỀ C** | C.1. Lưu trữ trực tuyến | Biết được ưu, nhược điểm cơ bản của việc lưu trữ trực tuyến;  Sử dụng được một số công cụ trực tuyến như: Google Driver, Dropbox,… để lưu trữ và chia sẻ tập tin. | 1 |  | 1 | 1 | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |
|  | C.2. Thực hành một số tính năng hữu ích của máy tìm kiếm | Xác định được các lựa chọn theo tiêu chí tìm kiếm để nâng cao hiệu quả tìm kiếm thông tin.  Sử dụng được máy tìm kiếm như máy tìm kiếm của Google, yahoo, Bing.. trên máy tính để bàn, các thiết bị thông minh bằng cách gõ từ khoá hoặc giọng nói. |  |  |  |  |  |  |  |
|  | C.3. Thực hành một số tính năng nâng cao của mạng xã hội | Bài học góp phần phát triển năng tin học thành tố (NLa) với các biểu hiện sau:  + Cài đặt bảo mật 2 lớp tài khoản facebook.  + Cài đặt các quyền riêng tư với các thông tin chia sẻ trên facebook.  + Tạo phòng họp nhóm để trao đổi thông tin trên faebook.  Phát triển năng lực chung *Tự chủ và tự học* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | C.4. Thực hành một số tính năng hữu ích của dịch vụ thư điện tử | - Học sinh biết cách phân loại và đánh dấu thư điện tử  - HS thực hành phân loại và đánh dấu thư điện tử Gmail. |  |  |  |  |  |  |  |
|  | CHỦ ĐỀ D | Phòng tránh lừa đảo và ứng xử văn hoá trên mạng | - Nêu được một số dạng lừa đảo phổ biến trên mạng và những biện pháp phòng tránh.  - Giao tiếp được trên mạng qua email, chat, mạng xã hội…và trong môi trường số một cách văn minh, phù hợp với văn hóa ứng xử. | 1 |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | CHỦ ĐỀ F. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH GIỚI THIỆU CÁC HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU | F.1. Bài toán quản lí và cơ sở dữ liệu | Nhận biết được nhu cầu lưu trữ và khai thác thông tin cho bài toán quản lí.  - Diễn đạt được khái niệm hệ cơ sở dữ liệu, nêu được ví dụ minh họa.  - Nêu được những khái niệm cơ bản của hệ Cơ sở dữ liệu (CSDL, HQTCSDL, Hệ CSDL). Giải thích được các khái niệm đó qua ví dụ minh hoạ. |  | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |
|  | F2. Bảng và khóa chính trong cơ sở dữ liệu quan hệ | - Nhận biết được quan hệ (bảng) và xác định được khóa của một quan hệ.  - Biết được cơ chế đảm bảo ràng buộc khóa của phần mềm quản trị CSDL  - Giải thích được thế nào là quan hệ (bảng), khóa, khóa chính trong một quan hệ qua ví dụ cụ thể  - Giải thích được ràng buộc khóa | 1 |  |  | 1 | 1 |
|  | F3. Quan hệ giữa các bảng và khóa ngoài trong CSDL quan hệ | - Nhận biết được khóa ngoài của một bảng.  - Biết được phần mềm quản trị CSDL có cơ chế kiểm soát ràng buộc khóa ngoài.  - Xác định được khóa ngoài của bảng.  - Tạo được liên kết giữa 2 bảng qua thuộc tính khóa. | 1 |  |  |
|  | F4. Các biểu mẫu cho xem và cập nhật dữ liệu | - Nhận biết được chức năng của biểu mẫu  - Hiểu được khi nào sử dụng biểu mẫu cho xem dữ liệu, trường hợp nào sử dụng biểu mẫu cập nhật dữ liệu  - Tạo được biểu mẫu cập nhật dữ liệu với tính huống cụ thể. | 1 |  |  |
|  | F5. Truy vấn trong CSDL quan hệ | - Biết khái niệm truy vấn dữ liệu.  - Biết cấu trúc truy vấn bằng câu lệnh SQL đơn giản  - Biết được ngôn ngữ truy vấn QBE  - Nhận diện được các mệnh đề SELECT; FROM; WHERE trong cấu trúc SQL  - Sử dụng được các mệnh đề trong truy vấn SQL để giải quyết bài toán cụ thể.  - Sử dụng được ngôn ngữ truy vấn QBE để giải quyết bài toán cụ thể | 1 |  |  |
|  | F6. Truy vấn trong CSDL quan hệ (tiếp theo) | - Nhận diện được cấu trúc truy vấn SQL với liên kết giữa các bảng.  - Hiểu được JOIN trong mệnh đề FROM của cấu trúc SQL  - Sử dụng được các mệnh đề trong truy vấn SQL để giải quyết bài toán cụ thể. | 1 |  |  |
|  | F7. Các loại kiến trúc của hệ cơ sở dữ liệu | - Nhận biết được CSDL tập trung  - Nhận biết được CSDL phân tán  - Biết được một số kiến trúc thường gặp của hai loại hệ CSDL tập trung và hệ CSDL phân tân | 1 |  |  |
|  | F8. Bảo vệ sự an toàn của hệ CSDL và bảo mật thông tin trong CSDL | - Nêu được tầm quan trọng của an toàn và bảo mật hệ CSDL  - Nêu được một số biện pháp bảo vệ sự an toàn và bảo mật hệ CSDL |  |  |  |
|  | | | | **9** | **1** | **2** | **7** | **5** | **4** |  |  |  |  | **1** | **2** |
|  | | | | **3,0 đ** | | | **4,0 đ** | | |  | | | **3,0 đ** | | |
|  | | | | **30%** | | | **40%** | | |  | | | **30%** | | |

**Lưu ý:**

* Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
* Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.
* Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu đúng sai 1 điểm được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.